

ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG PHẢN ỨNG PHỤ XUẤT HIỆN 24 GIỜ SAU TIÊM MŨI THỨ NHẤT VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

Nguyễn Thành Tấn*, Võ Phạm Minh Thư*

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: COVID-19 là một bệnh truyền nhiễm và rất dễ lây lan do virus SARS-CoV-2 gây ra hội chứng hô hấp cấp tính nặng, nhắm vào hệ hô hấp của cơ thể con người. Đại dịch COVID-19 xuất hiện, lây lan ở nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ với diễn biến phức tạp, căng thẳng. Tiêm vắc xin phòng COVID-19 là biện pháp chủ động, hiệu quả nhất để phòng, chống dịch COVID-19. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tỷ lệ các phản ứng phụ trong 24 giờ sau tiêm mũi thứ nhất vắc xin phòng COVID-19. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả có phân tích trên 322 đối tượng tiêm vắc xin tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ được phỏng vấn thông qua bộ câu hỏi khảo sát trực tuyến từ tháng 4/2021 đến tháng 7/2021. **Kết quả:** Tỷ lệ phản ứng phụ là 76,4%. Có mối tương quan giữa phản ứng phụ sau tiêm với giới tính ($p=0,001$). Không có mối liên quan giữa thời gian tiêm ($p=0,758$), tiền sử dị ứng ($p=0,171$). **Kết luận:** Phản ứng phụ sau tiêm vắc xin phòng COVID-19 là thường gặp là đau, sưng chỗ tiêm, sốt, đau đầu, ớn lạnh, đau cơ, khớp.

Từ khóa: vắc xin, COVID-19, phản ứng phụ

SUMMARY

CLINICAL CHARACTERISTICS OF SIDE EFFECTS APPEARING 24 HOURS AFTER THE FIRST DOSE OF THE COVID-19 VACCINE AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY HOSPITAL

Background: COVID-19 is an infectious and highly contagious disease caused by the SARS-CoV-2 virus that causes a severe acute respiratory syndrome, which targets the respiratory system of the human body. The COVID-19 pandemic appeared and spread in many countries and territories with complicated and stressful developments. Vaccination against COVID-19 is the most active and effective measure to prevent and control COVID-19. **Objectives:** To determine the rate of adverse reactions within 24 hours after the first dose of the COVID-19 vaccine. The relationship between risk factors and adverse reactions after the first dose of the COVID-19 vaccine. **Materials and methods:** A descriptive cross-sectional study with analysis on 322 vaccine subjects at the Hospital of Can

Tho University of Medicine and Pharmacy who were interviewed through an online survey questionnaire from April 2021 to July 2021. **Results:** The rate of adverse reactions was 76.4%. There is a correlation between side effects after injection and gender ($p=0.001$). There was no relationship between the time of injection ($p=0.758$) and history of allergy ($p=0.171$). **Conclusion:** Common side effects after vaccination against COVID-19 are pain, injection site pain, fever, headache, chills, muscle, and joint pain

Keywords: vaccine, COVID-19, side effects

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sau gần 3 năm kể từ khi đại dịch COVID-19 xuất hiện, lây lan ở các quốc gia và vùng lãnh thổ với diễn biến phức tạp; căng thẳng. Một số nước châu Âu, châu Á tình hình đang leo thang trở lại với sự bùng phát của biến chủng virus Delta hết sức nguy hiểm thì vắc xin được coi là chìa khóa chấm dứt đại dịch, là vũ khí được toàn nhân loại trông chờ. Tại Việt Nam tình hình dịch bệnh cũng đang rất căng thẳng với sự gia tăng số ca nhiễm ngày càng cao. Với thực trạng hiện nay, tiêm vắc xin phòng COVID-19 là biện pháp chủ động, hiệu quả nhất để phòng, chống dịch COVID-19. Do đây là những vắc xin mới có mặt trên thị trường; thời gian xuất hiện chưa dài, nên việc đánh giá tác dụng và ADR của các loại vắc xin là hết sức cần thiết. Chúng tôi tiến hành thực hiện đề tài "Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng phản ứng phụ xuất hiện 24 giờ sau tiêm mũi thứ nhất vắc xin phòng COVID-19 tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ". Chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài với mục tiêu cụ thể như sau:

1. Xác định tỷ lệ các phản ứng phụ trong 24 giờ sau tiêm mũi vắc xin phòng COVID-19 thứ nhất tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

2. Xác định mối liên quan giữa các yếu tố nguy cơ và phản ứng phụ sau tiêm mũi thứ nhất vắc xin phòng COVID-19 tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Cán bộ, sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ được chỉ định tiêm ngừa vắc xin phòng COVID-19 tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Từ 18 tuổi trở lên. Đáp ứng đủ các điều kiện tiêm chủng và không có chống chỉ định theo Hướng dẫn tạm

*Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thành Tấn

Email: nttan@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 8.2.2023

Ngày phản biện khoa học: 7.4.2023

Ngày duyệt bài: 21.4.2023

thời Khám sàng lọc trước tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 của Astra Zeneca do Bộ Y tế Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1624/QĐ-BYT ngày 18 tháng 3 năm 2021[2].

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Những người không khai thác được thông tin sau khi tiêm như: bỏ về không theo dõi sau tiêm 30 phút tại cơ sở tiêm chủng; không nộp lại phiếu thu thập thông tin sự cố bất lợi sau tiêm chủng vắc xin; không liên hệ được qua điện thoại hoặc không thực hiện khảo sát sau tiêm.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích.

Công thức tính cỡ mẫu ước lượng một tỷ lệ với độ chính xác tuyệt đối:

$$n = \frac{Z^2 \left(1 - \frac{\alpha}{2}\right) * p * (1 - p)}{d^2}$$

Trong đó: $\alpha = 0,05$ thì hệ số tin cậy $Z=1,96$.

p : Nghiên cứu "Khảo sát tác dụng không mong muốn sau tiêm mũi 1 Vắc xin phòng COVID-19 tại Bệnh viện 19-8", phản ứng sau tiêm vắc xin Astra Zeneca có tỷ lệ là 70%, nên chọn $p= 0,7$ [1]

d : Sai số cho phép. Chúng tôi chọn $d = 0,05$. Thay vào công thức tính được 322 mẫu.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu:

+ Địa điểm: Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

+ Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 04/2021 đến tháng 07/2021.

Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu nhiều giai đoạn.

Nội dung nghiên cứu: Khai thác các triệu chứng sau tiêm dựa trên mẫu khai báo các phản ứng bất lợi sau tiêm tại công văn số 3886/BYT-

Bảng 1. Thông tin chung của đối tượng

Nhóm tuổi	Nam		Nữ		Tổng	
	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
20 – 30 tuổi	66	54,1	56	45,9	122	100
31 – 40 tuổi	55	43,7	71	56,3	126	100
41 – 50 tuổi	23	46,9	26	53,1	49	100
51 – 60 tuổi	16	64,0	9	36,0	25	100
Tổng	160	49,7	162	50,3	322	100

Nhận xét: Tuổi nhỏ nhất của nam là 23 tuổi và nữ là 21 tuổi, lớn nhất của nam và nữ đều là 60 tuổi, tuổi trung bình của nam là 35,5 tuổi, của nữ là 35,1 tuổi (nữ). Sự khác biệt về tuổi trung bình của hai nhóm đối tượng nam và nữ là chưa có ý nghĩa thống kê $p=0,70 (>0,05)$.

Bảng 2. Tiền sử mắc COVID-19, đang có thai, đang mắc bệnh cấp tính của đối tượng

DP ngày 11/05/2021 của Bộ Y tế về theo dõi các phản ứng bất lợi sau tiêm vắc xin phòng COVID-19. Chúng tôi đưa thêm một số câu hỏi nhằm khảo sát các triệu chứng nguy hiểm sau tiêm (gồm có các triệu chứng của phản vệ và các phản ứng phụ thường gặp) và câu hỏi nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng của tiêm chủng đến cuộc sống của đối tượng tiêm chủng.

Phương pháp thu thập số liệu: Sử dụng bộ câu hỏi soạn sẵn. Các đối tượng trả lời khảo sát sau tiêm vắc xin phòng COVID-19 thông qua bộ câu hỏi trực tuyến google biểu mẫu.

Phương pháp xử lý và phân tích số liệu: Số liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Số liệu được phân tích theo mục tiêu và nội dung nghiên cứu. Những số liệu thống kê mô tả được tính gồm tần số, tỷ lệ phần trăm các biến số, số trung bình, độ lệch chuẩn. Đo lường OR và khoảng tin cậy 95% để đánh giá các mối liên quan, phép kiểm Chi bình phương (χ^2), T-test, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi giá trị p ở mức ý nghĩa 0,05.

Đạo đức nghiên cứu: Tất cả các đối tượng tham gia nghiên cứu đều được giải thích cụ thể về mục đích, nội dung nghiên cứu để đối tượng tham gia tự nguyện và cung cấp các thông tin chính xác. Tính ẩn danh và sự đồng ý của đối tượng nghiên cứu đã được đảm bảo. Nghiên cứu được thông qua Hội đồng Đạo đức Y sinh học Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu trên 322 đối tượng được chỉ định tiêm vắc xin AstraZeneca từ tháng 04/2021 đến tháng 7/2021 tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ cho kết quả như sau:

3.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

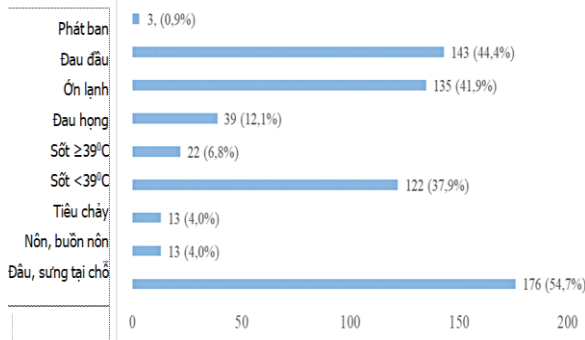
Đặc điểm	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Mắc COVID-19 trong vòng 6 tháng		
Không có	322	100
Mắc bệnh cấp tính		
Không có	322	100
Đang mang thai (n=162)		
Có	3	1,9
Không có	159	98,1

Nhận xét: 322 đối tượng đều chưa từng mắc COVID-19 trước khi tiêm vắc xin phòng COVID-19 mũi thứ nhất và không có đối tượng đang mắc bệnh cấp tính. Trong 162 đối tượng là nữ thì có 1,9% đang mang thai.

Bảng 3. Đặc điểm tiền sử dị ứng của đối tượng (n=322)

Đặc điểm	Có		Không có	
	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Viêm mũi dị ứng	6	1,9	316	98,1
Dị ứng thức ăn	11	3,4	311	96,6
Dị ứng thời tiết thay đổi	7	2,2	315	97,8
Dị ứng thuốc	10	3,1	312	96,9
Viêm da dị ứng	3	0,9	319	99,1
Dị ứng rượu/bia	3	0,9	319	99,1

Nhận xét: Có 3,4% đối tượng dị ứng với thức ăn, 3,1% đối tượng có dị ứng với thuốc, 2,2% đối tượng có dị ứng thời tiết thay đổi, 1,9% đối tượng có viêm mũi dị ứng, 0,9% đối tượng có viêm da dị ứng, 0,9% dị ứng rượu bia.



Biểu đồ 1. Dấu hiệu lâm sàng tại chỗ tiêm của đối tượng (n=322)

Nhận xét: Phản ứng thường gặp nhất sau tiêm vắc xin là đau, sưng tại chỗ với 54,7%, đau đầu (44,4%). Phản ứng ít gặp nhất là phát ban với 0,9%

Bảng 4. Triệu chứng đầu tiên xuất hiện sau khi tiêm vắc xin

Triệu chứng đầu tiên	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Có	246	76,4
Không có	76	23,6
Tổng	322	100

Nhận xét: trong 322 đối tượng tiêm vắc xin phòng COVID-19 thì có 76,4% đối tượng có triệu chứng đầu tiên sau khi tiêm, 23,6% đối tượng không có triệu chứng sau khi tiêm vắc xin.

Bảng 5. Các triệu chứng đầu tiên xuất hiện sau khi tiêm vắc xin

Triệu chứng đầu tiên	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Nôn, buồn nôn	3	1,2

Mệt mỏi cơ thể	17	6,9
Đau đầu	33	13,4
Đau, sưng chỗ tiêm	106	43,1
Đau vai	9	3,7
Tê cánh tay	3	1,2
Sốt	45	18,3
Ớn lạnh	24	9,8
Ngứa	5	2,0
Phù mi mắt	1	0,4
Tổng	246	100

Nhận xét: Phần lớn đối tượng có đau chỗ tiêm vắc xin (43,1%), có sốt chiếm 18,3%, đau đầu chiếm 13,4%, ớn lạnh chiếm 9,8%, mệt mỏi chiếm 6,9%, đau vai chiếm 3,7%, ngứa chiếm 2,0%, nôn, buồn nôn 1,2%.

Bảng 6. Môi trường quan giữa phản ứng phụ sau tiêm và các yếu tố nguy cơ

Yếu tố	Phản ứng phụ		OR CI 95%	P
	Có n (%)	Không có n (%)		
Dị ứng				
Có	34 (85,0)	6 (15,0)	1,87 (0,75-4,64)	0,171
Không có	212 (75,2)	70 (24,8)		
Giới tính				
Nữ	137(84,6)	25 (15,4)	2,56 (1,49-4,40)	0,001
Nam	109 (68,1)	51 (31,9)		
Thời gian tiêm				
Buổi sáng	144(75,8)	46 (24,2)	0,92 (0,54 - 1,55)	0,758
Buổi chiều	102 (77,3)	30 (22,7)		

Nhận xét: Tỷ lệ phản ứng phụ ở nhóm đối tượng là nữ (84,6%), cao hơn nhóm đối tượng là nam (68,1%). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với p=0,001 (<0,05).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Tỷ lệ các phản ứng phụ sau tiêm mũi thứ nhất vắc xin COVID-19. Nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận trong 322 đối tượng tiêm vắc xin phòng COVID-19 thì có 76,4% đối tượng có triệu chứng đầu tiên sau khi tiêm, còn lại 23,6% đối tượng không có triệu chứng sau khi tiêm vắc xin. Phần lớn đối tượng có đau chỗ tiêm vắc xin (43,1%), có sốt chiếm 18,3%, đau đầu chiếm 13,4%, ớn lạnh chiếm 9,8%, mệt mỏi chiếm 6,9%, đau vai chiếm 3,7%, ngứa chiếm 2,0%, nôn, buồn nôn 1,2%. So sánh với các nghiên cứu khác trên thế giới như, nghiên cứu của tác giả Andrzejczak năm 2021 có 705 người tiêm vắc xin Covid-19 tham gia nghiên cứu, 96,5% đã báo cáo có ít nhất một phản ứng sau tiêm chủng. 17,1% số người được hỏi đã báo

cáo tất cả các tác dụng phụ được liệt kê trong cuộc khảo sát [4]. Nghiên cứu của tác giả Johan Wibowo năm 2021 ở Indonesia, kết quả khảo sát cho thấy những người tham gia gặp phải tác dụng phụ ngắn hạn của vắc xin COVID-19 (42,4%) nhiều hơn so với tác dụng phụ dài hạn (29,3%). Các tác dụng phụ ngắn hạn của vắc-xin cũng được phân loại rõ hơn, 15,4% có phản ứng tại chỗ tiêm (đau, đỏ và sưng), 17,0% có phản ứng miễn dịch (sốt nhẹ và đau cơ và khớp), khoảng 3,2% có biểu hiện mơ hồ như lú lẫn, khó thở và ngất và có tới 29,9% cảm thấy khác (buồn ngủ, nhức đầu, ăn nhiều, tê và buồn nôn) [6]. Nghiên cứu của tác giả Trần Duy Khanh và cộng sự năm 2022 cho kết quả các phản ứng sau tiêm thường gặp nhất đó là đau, sưng tại chỗ tiêm (31,12%); đau mỏi cơ (8,51%), đau đầu (26,56%), sốt (9,19%) [3].

Tóm lại, phản ứng phụ sau tiêm vắc xin phòng COVID-19 là khá thường gặp, tuy nhiên phần lớn là các triệu chứng nhẹ. Nghiên cứu của chúng tôi cũng như các nghiên cứu khác trên thế giới đã ghi nhận các triệu chứng thường gặp như: đau tại chỗ tiêm, sốt, mệt mỏi uể oải, đau cơ, đau đầu, ngứa. Theo những người được tiêm vắc xin trong nhiều nghiên cứu, các triệu chứng sau khi tiêm vắc xin thường rất ít. Các triệu chứng nhỏ, không đáng kể và không đe dọa tính mạng của họ. Sự chấp nhận vắc-xin có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, bao gồm kiến thức về vắc xin, nhận thức về tác dụng phụ của nó, thái độ đối với việc tiêm vắc-xin, nhận thức về khả năng mắc bệnh, tác động xã hội, niềm tin vào ngành y tế và thông tin về vắc xin ngày càng tăng. Tác dụng phụ sau khi tiêm chủng là phổ biến.

4.2. Một số yếu tố liên quan giữa các yếu tố nguy cơ và phản ứng phụ sau tiêm mũi thứ nhất vắc xin COVID-19. Nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận, tỷ lệ phản ứng phụ ở nhóm có tiền sử dị ứng (85,0%), cao hơn nhóm không có tiền sử dị ứng (75,2%). Tuy nhiên sự khác biệt này chưa có ý nghĩa thống kê với $p=0,171 (>0,05)$. Tỷ lệ phản ứng phụ ở nhóm đối tượng là nữ (84,6%), cao hơn nhóm đối tượng là nam (68,1%). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p=0,001 (<0,05)$. Tỷ lệ phản ứng phụ ở nhóm đối tượng tiêm buổi chiều (77,3%), cao hơn nhóm đối tượng tiêm buổi sáng (75,8%). Sự khác biệt này chưa có ý nghĩa thống kê với $p=0,758 (>0,05)$. So sánh với các tác giả khác trên thế giới như nghiên cứu của tác giả Wibowon năm 2022, một số yếu tố liên quan đến tác dụng phụ của vắc xin COVID-19 như giới tính, nơi cư trú và tình trạng hôn nhân. Giới tính

nữ có nhiều khả năng gặp các tác dụng phụ ngắn hạn của vắc-xin COVID-19 hơn nam giới, chẳng hạn như phản ứng tại chỗ tiêm (19,0%) và các phản ứng khác (34,8%). Những phát hiện này phù hợp với kết quả của một nghiên cứu tương tự của tác giả Dzidezic ở Ba Lan đã báo cáo rằng những người tham gia là nam giới có tỷ lệ mắc các tác dụng phụ toàn thân nhẹ phổ biến hơn [5]. Nghiên cứu của tác giả Watcharananan năm 2022 ở Thái Lan, tỷ lệ tác dụng phụ cao hơn ở những bệnh nhân mắc bệnh dị ứng so với những người không mắc bệnh (8,7% so với 2,2%; $p<0,001$), trong khi tỷ lệ này thấp hơn ở nhóm bệnh nhân đái tháo đường so với nhóm không đái tháo đường (7,9% so với 13,8%; $p = 0,010$). Trong nhóm mắc bệnh dị ứng, tác dụng phụ phổ biến là đau cánh tay (84,1%), sốt nhẹ (52,3%), mệt mỏi (52,3%), nhức đầu (47,7%), đau khớp/cơ (20,5%), ớn lạnh (18,2 %), sốt cao (13,6%). Các triệu chứng ít phổ biến hơn là tê (4,5%) và đánh trống ngực (4,5%). Khoảng (2,3%) báo cáo có tổn thương da [7]. Nhìn chung, có vài yếu tố được ghi nhận trong nghiên cứu của chúng tôi và các nghiên cứu khác trên thế giới có khả năng làm tăng phản ứng phụ ở người tiêm ngừa vắc xin COVID-19. Một yếu tố khác là tiền sử dị ứng, cần phải theo dõi cẩn thận những bệnh nhân có tiền sử dị ứng, bởi nhiều nghiên cứu cho thấy đây là yếu tố thường gặp gây tăng phản ứng phụ ở người tiêm vắc xin Covid-19. Nghiên cứu của chúng tôi cũng ghi nhận tỷ lệ phản ứng phụ ở nhóm có tiền sử dị ứng cao hơn nhóm không có tiền sử dị ứng, tuy nhiên sự khác biệt này chưa có ý nghĩa thống kê.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy có tỷ lệ có phản ứng phụ sau tiêm là 76,4%. Phần lớn phản ứng thường gặp là đau, đau chỗ tiêm vắc xin (43,1%), có sốt chiếm 18,3%, đau đầu chiếm 13,4%, ớn lạnh chiếm 9,8%, mệt mỏi chiếm 6,9%, đau vai chiếm 3,7%, ngứa chiếm 2,0%, nôn, buồn nôn 1,2%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bệnh viện 198- Bộ Công an (2020)**, "Khảo sát tác dụng không mong muốn sau tiêm mũi 1 Vaccin phòng Covid 19 tại Bệnh viện 19-8".
2. **Bộ Y Tế (2021)**, "Hướng dẫn tạm thời khám sàng lọc trước tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 của Astra Zeneca do Bộ Y tế Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1624/QĐ-BYT ngày 18 tháng 3 năm 2021".
3. **Trần Duy Khanh, Đinh Thế Tiến, Nguyễn Thị Vân (2022)**, "Khảo sát phản ứng bất lợi sau tiêm chủng vắc-xin ngừa COVID-19 tại Bệnh viện đa khoa Đức Giang", Tạp chí Y học Việt Nam, Tập

- 514, tháng 5, số chuyên đề 2022, tr 146-155.
4. **Arkadiusz Dziedzic, Abanoub Riad, Sameh Attia, Miloslav Klugar, Marta Tanasiewicz (2021)**, "Self-Reported Adverse Events of COVID-19 Vaccines in Polish Healthcare Workers and Medical Students. Cross-Sectional Study and Pooled Analysis of CoVaST Project Results in Central Europe", J Clin Med, 10(22):5338.
 5. **Dziedzic A, Riad A, Attia S, Klugar M, Tanasiewicz M. (2021)**, "Self-reported adverse events of COVID-19 vaccines in polish healthcare workers and medical students. Cross-sectional study and pooled analysis of CoVaST project results in central Europe", J Clin Med, 10 (22):5338.
 6. **Johan Wibowo, Rivaldo Steven Heriyanto, Felix Wijovi el at (2022)**, "Factors associated with side effects of COVID-19 vaccine in Indonesia", Clin Exp Vaccine Res, 11(1), pp 89-95.
 7. **Sirapat Arthur Watcharananan el at (2022)**, "Rates, types, and associated factors of acute adverse effects after the first dose of ChAdOx1 nCoV-19 vaccine administration in Thailand", IJID Regions, 2, pp 35-39.

KHẢO SÁT TƯƠNG QUAN GIỮA TI-RADS, KÍCH THƯỚC VÀ TẾ BÀO HỌC CỦA NHÂN GIÁP

Võ Tấn Đức¹, Nguyễn Hữu Quốc², Bùi Khắc Vũ², Nguyễn Thị Phương Loan¹

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Tiêu chuẩn ACR-TIRADS 2017 giúp phân loại nguy cơ ác tính của nhân giáp bằng các đặc điểm siêu âm, sau đó kết hợp với kích thước để quyết định làm FNA cho bệnh nhân. Tuy nhiên kích thước nhân giáp có tương quan với ác tính hay không? **Mục tiêu:** Xác định tỷ lệ ác tính ở các nhân được xếp loại TI-RADS 3, TI-RADS 4, TI-RADS 5 có kích thước theo khuyến cáo và có kích thước nhỏ hơn khuyến cáo theo ACR-TIRADS 2017. **Đối tượng – Phương pháp:** nghiên cứu cắt ngang mô tả hồi cứu tại bệnh viện nhân dân Gia Định. Các nhân giáp được xếp loại TI-RADS 3, TI-RADS 4, TI-RADS 5 và được phân chia thành những nhóm kích thước khác nhau theo ACR-TIRADS 2017. **Kết quả:** Tổng số 416 bệnh nhân và 533 nhân giáp thỏa điều kiện nghiên cứu. Nguy cơ nhân giáp ác tính tăng lên khi được phân loại cao hơn (9,1% ở TI-RADS 3, 12,8% ở TI-RADS 4 và 55,4% ở TI-RADS 5). Với điểm cắt TI-RADS 5 SEN, SPE, PPV, NPV trong chẩn đoán ung thư tuyến giáp lần lượt là 72,03%, 78,72%, 55,38%, 88,47 % (AUC=0,8). Không có sự tương quan giữa kích thước nhân trên siêu âm và nguy cơ ác tính. **Kết luận:** ACR-TI-RADS 2017 là một hệ thống phân loại dễ áp dụng, chính xác cao trong phân loại nhân giáp dựa trên các đặc điểm siêu âm, để đánh giá nguy cơ ác tính. Kích thước nhân không phải là một tiêu chuẩn quan trọng để chỉ định FNA khi nhân được phân loại có nguy cơ ác tính cao trên siêu âm.

Từ khóa: ACR- TIRADS 2017, kích thước nhân giáp trên siêu âm.

SUMMARY

CORRELATION BETWEEN TI-RADS, SIZE

¹Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh

²Bệnh viện Nhân Dân Gia Định

Chịu trách nhiệm chính: Võ Tấn Đức

Email: duc.vt@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 10.2.2023

Ngày phản biện khoa học: 12.4.2023

Ngày duyệt bài: 24.4.2023

AND CYTOLOGY OF THYROID NODULES

Background: ACR-TIRADS released in 2017 helps to classify the risk of thyroid cancer based on the characteristics and size of the nodule on ultrasound to decide whether to do FNA for the patient. However, does thyroid nodule size correlate with malignancy. **Object:** To determine the risk of thyroid cancer when nodules classified as TI-RADS 3, 4, 5 with size as recommended and smaller than those by ACR-TIRADS 2017. **Subjects – Methods:** Thyroid nodules classified as TIRADS 3, 4 or 5 were divided into different sizes according to ACR-TIRADS 2017. **Results:** A total of 533 thyroid nodules from 416 patients met the study conditions. The risk of malignancies increased with higher TI-RADS classification (9% in TI-RADS 3, 12.8% in TI-RADS 4.5, and 55.4% in TI-RADS 5). With the cut-off point of TI-RADS 5, SEN, SPE, PPV, and NPV in thyroid cancer diagnosis were respectively 72.03%, 78.72%, 55.38%, 88.47%, (AUC=0.8). There is no correlation between the size and the risk of malignancy of the thyroid nodule on ultrasound. **Conclusion:** ACR-TIRADS 2107 is an easy-to-apply, highly accurate classification system for the classification of thyroid nodules based on ultrasound features to assess the risk of malignancy. The thyroid nodule's size does not appear to be a critical criterion for indication of FNA in nodules with high suspicion of malignancy on ultrasonography.

Từ khóa: ACR- TIRADS 2017, kích thước nhân giáp trên siêu âm.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Siêu âm vùng cổ với máy siêu âm có độ phân giải cao phát hiện nhân giáp đến 68% ở người trưởng thành. Trong đó chỉ có 5- 15% nhân đã phát hiện là ác tính. Tỷ lệ ung thư giáp ngày càng tăng và có xu hướng trẻ hóa. Việc chẩn đoán sớm và chính xác nhân lành hay ác tính sẽ giúp bác sĩ lâm sàng lựa chọn phương pháp điều trị thích hợp. Theo khuyến cáo của TI-RADS, những nhân nghi ngờ ác tính, sẽ được